

ĐẦU TƯ CHO GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM TRƯỚC YÊU CẦU CỦA CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

Đào Thị Cẩm Nhung, Nguyễn Thế Thìn

Khoa Kinh tế chính trị, trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế

Email: dtcnhung@hce.edu.vn

Ngày nhận bài: 31/8/2020; ngày hoàn thành phản biện: 4/9/2020; ngày duyệt đăng: 02/10/2020

TÓM TẮT

Với vai trò là một dây chuyền sản xuất mà đầu ra là nguồn nhân lực đạt chuẩn, đáp ứng yêu cầu cho thị trường lao động; giáo dục đại học ở Việt Nam đang phải đương đầu trong việc giải quyết những thách thức do cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tạo ra. Vấn đề đặt ra ở Việt Nam hiện nay là phải đầu tư vào giáo dục đại học đúng trọng điểm và hiệu quả để đáp ứng nhu cầu phát triển, phù hợp với thời đại. Bài viết nhận diện những thách thức mới mà cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đặt ra đối với giáo dục đại học ở Việt Nam, đồng thời đưa ra những gợi ý để đầu tư vào công tác giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng mới.

Từ khóa: đầu tư giáo dục đại học Việt Nam, cách mạng công nghiệp 4.0.

1. CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 VÀ NHỮNG THÁCH THỨC ĐẶT RA ĐỐI VỚI GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM HIỆN NAY

Lịch sử loài người cho đến hôm nay đã trải qua 4 cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN): Cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX (1760 đến 1840), các nhà khoa học đã phát minh ra động cơ hơi nước cùng với sự ra đời của các tuyến đường sắt, cuộc CMCN lần thứ nhất về sản xuất cơ khí với máy móc dựa vào động cơ hơi nước ra đời, đánh dấu mốc quan trọng trong lịch sử phát triển nhân loại. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, cuộc CMCN thứ hai xuất hiện với hàng loạt máy móc được sản xuất dựa vào năng lượng điện. Từ thập niên 60 đến thập niên 90 của thế kỉ XX, cuộc CMCN thứ ba được hình thành bởi sự phát triển của chất bán dẫn, siêu máy tính, máy tính cá nhân và Internet (hay còn gọi là cách mạng số). Năm 2011, ở Cộng hòa Liên bang Đức tại Hội chợ Hannover, khái niệm “Cách mạng công nghiệp lần thứ 4” (hay “Công nghiệp 4.0”) được giới thiệu với mục đích nâng cao nền công nghiệp cơ khí truyền thống của Đức. Tại Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) lần thứ 46 chính thức khai mạc tại thành phố Davos-Klosters của Thụy Sĩ, với chủ đề “Cuộc CMCN lần thứ 4”, Chủ tịch Diễn đàn Kinh tế Thế giới đã đưa ra một định nghĩa mới, mở rộng hơn khái niệm Công nghiệp

4.0 của Đức. Nhân loại đang đứng trước một cuộc cách mạng công nghiệp mới, có thể thay đổi hoàn toàn cách chúng ta sống, làm việc và quan hệ với nhau. Quy mô, phạm vi và sự phức tạp của lần chuyển đổi này không giống như bất kỳ điều gì mà loài người đã từng trải qua [3]. Theo GS. Klaus Schwab, CMCN 4.0 được định nghĩa là “một cụm thuật ngữ cho các công nghệ và khái niệm của tổ chức trong chuỗi giá trị” đi cùng với các hệ thống vật lý trong không gian ảo, Internet của vạn vật và Internet của các dịch vụ [6]. CMCN 4.0 là sự kết hợp các công nghệ, bao gồm các hệ thống không gian mạng, Internet vạn vật và điện toán đám mây, do vậy, nó còn được gọi là cuộc cách mạng số vì nhân loại sẽ được chứng kiến một công cuộc “số hóa”, dần dần xóa đi sự rạch ròi giữa thế giới thực và thế giới ảo bởi trí tuệ nhân tạo. Chính vì vậy, việc ra đời của các nhà máy thông minh với hệ thống vật lý không gian ảo giám sát các quá trình vật lý, tạo ra một bản sao ảo của thế giới vật lý sẽ trở nên dễ dàng hơn. Với Internet kết nối vạn vật, các hệ thống vật lý không gian ảo này tương tác với nhau và với con người theo thời gian thực và thông qua việc sử dụng IoS (Internet của các dịch vụ) thì người dùng sẽ được tham gia vào các chuỗi giá trị (Management Consultancy and Solutions (MACS) [8]. Trong hiện tại và tương lai, CMCN 4.0 sẽ diễn ra mạnh mẽ, tác động đến mọi lĩnh vực, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghệ sinh học, công nghệ thông tin và tự động hóa. Đặc biệt là, nó sẽ tạo ra bước nhảy vọt trên nhiều lĩnh vực. Chẳng hạn, trong công nghệ thông tin sẽ là trí tuệ nhân tạo (hay còn gọi là trí thông minh nhân tạo, Artificial Intelligence, Machine Intelligence), vạn vật kết nối Internet (Internet of things) và dữ liệu lớn (Big Data); lĩnh vực tự động hóa sẽ xuất hiện những rô bốt thế hệ mới, máy in 3D và xe tự lái...[7]

Với đặc trưng là cuộc cách mạng được hình thành dựa trên sự gắn kết giữa các nền tảng công nghệ, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ tạo ra sự thay đổi mạnh mẽ về phân bố nguồn lực sản xuất, cách thức sản xuất và tiêu dùng nhờ vào sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ. Điều này đặt ra những thách thức đối với ngành giáo dục đại học ở Việt Nam như sau:

- Đặt ra nhu cầu đào tạo rất lớn cho các trường đại học.

Trước hết, CMCN 4.0 đòi hỏi phải có nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất, vốn liên tục thay đổi trong môi trường lao động mới. Đây là yêu cầu cấp bách đặt ra cho GDĐH Việt Nam. Do đó, ngành giáo dục phải chuyển nhanh từ giáo dục nặng về trang bị kiến thức sang một nền giáo dục giúp phát triển năng lực, thúc đẩy đổi mới và sáng tạo cho người học. Đứng trước thách thức này, các mô hình đào tạo theo cách truyền thống sẽ phải thay đổi để phù hợp với xu thế mới.

Với những bước đi có tính đột phá về công nghệ mới như trí thông minh nhân tạo, robot, công nghệ sinh học, khoa học về vật liệu, lưu trữ năng lượng và tin học lượng tử ... sẽ còn tác động mạnh mẽ hơn tới đời sống xã hội. Hệ thống GDĐH sẽ bị

tác động rất mạnh và toàn diện, danh mục ngành nghề đào tạo sẽ phải điều chỉnh, cập nhật liên tục vì ranh giới giữa các lĩnh vực bị thu hẹp. Hàng loạt ngành, chuyên ngành cũ sẽ mất đi và thay vào đó là cơ hội cho sự phát triển của những ngành, chuyên ngành đào tạo mới, đặc biệt là sự liên quan đến sự tương tác giữa con người và máy móc (ví dụ như nghề phát triển internet di động, điện toán đám mây và phân tích dữ liệu lớn; nghiên cứu cải tiến robot và xe tự hành; công nghiệp xây dựng và in 3D; Công nghệ sinh học...). Thị trường lao động trong nước cũng như quốc tế sẽ có sự phân hóa mạnh mẽ giữa nhóm lao động có trình độ thấp và nhóm lao động có trình độ cao. Đặc biệt, cuộc CMCN 4.0 này có thể đưa đến tình trạng bất bình đẳng lớn hơn, đặc biệt là nguy cơ phá vỡ thị trường lao động. Năm 2015, Mc Donal đã từng công bố sẽ xây dựng thêm 25.000 nhà hàng hoạt động hầu như bằng Robot, thay vì từ 10 đến 20 nhân viên cho một nhà hàng thì nay chỉ còn 2-3 người quản lý; Tháng 5 năm 2016, Foxconn cũng tuyên bố sẽ cắt giảm 60.000 nhân công và thay bằng Robot. [10]

Giới nghiên cứu cũng chỉ ra CPS (Cyber Physical System) sẽ không chỉ đe dọa việc làm của lao động trình độ thấp mà ngay cả những lao động có bằng cấp (cao đẳng, đại học trở lên) cũng có thể bị ảnh hưởng. Trong tương lai tài năng tri thức sẽ đại diện cho yếu tố quan trọng của sản xuất hơn là yếu tố vốn. Điều này sẽ luôn phát sinh ra một thị trường việc làm ngày càng tách biệt...

- *Cơ chế vận hành ở trường đại học đều phải thay đổi.*

Để đáp ứng đủ nhân lực cho nền kinh tế sáng tạo, đòi hỏi phải thay đổi các hoạt động đào tạo, từ đổi mới chương trình, phương pháp giảng dạy, quản lý sinh viên, phương pháp kiểm tra, đánh giá chuẩn đầu ra, với sự ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin. Theo đó, các phương thức giảng dạy cũ không còn phù hợp với nhu cầu của xã hội. Với sự vận dụng những thành tựu của công nghệ, người học ở bất cứ đâu đều có thể truy cập vào thư viện của nhà trường để tự học, tự nghiên cứu. Như vậy, không thể chỉ tồn tại mô hình thư viện truyền thống, mà các trường phải xây dựng được thư viện điện tử. Các trường phải thay đổi mô hình giảng dạy, như đào tạo trực tuyến không cần lớp học, không cần giảng viên đứng lớp, người học sẽ được hướng dẫn học qua mạng internet. Những lớp học ảo, thầy giáo ảo, thiết bị ảo có tính mô phỏng, bài giảng được số hóa và chia sẻ qua những nền tảng như Facebook, YouTube, Grab, Uber... sẽ trở thành xu thế phát triển trong hoạt động đào tạo đại học trong thời gian tới.

Khi kiến thức không thể bó hẹp và độc quyền bởi một người hay trong một phạm vi tổ chức nào đó, sinh viên có nhiều cơ hội để tiếp cận, tích lũy, chất lọc cái mới, cái hay để trở thành công dân toàn cầu - người lao động tương lai có khả năng làm việc trong môi trường sáng tạo và có tính cạnh tranh. Khi tổ chức, doanh nghiệp tuyển dụng là cần người làm được việc chứ không cần người có văn bằng cao. Thì các trường đại học sẽ phải chuyển đổi mạnh mẽ sang mô hình chỉ đào tạo “những gì thị trường

cần", những nội dung của các môn học cơ bản sẽ phải được rút ngắn và thay thế vào đó là những nội dung cần thiết để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và giúp người học thực hiện được phương châm "học tập suốt đời". Theo mô hình mới này, việc gắn kết giữa cơ sở đào tạo với tổ chức, doanh nghiệp là yêu cầu tất yếu để bổ sung cho nhau, đẩy mạnh việc hình thành các cơ sở đào tạo trong doanh nghiệp để phân chia các nguồn lực chung, làm cho các nguồn lực được sử dụng với hiệu quả cao nhất. Điều này sẽ tác động đến việc bố trí cán bộ quản lý, phục vụ và đội ngũ giảng viên của các trường đại học. Khi đó, tất cả các dữ liệu của người học từ mã số, điểm số, thông tin cá nhân... đều được số hóa tại một nơi lưu trữ. Trong nhiều trường hợp, người dạy chỉ cần đưa tài liệu lên "mây" (cloud), tất cả mọi người tranh luận trên "mây" mà vẫn đảm bảo được sự riêng tư, hiệu quả và tính đồng bộ. Trước thực tế này, nếu các trường không thay đổi mô hình đào tạo thì sẽ bị lạc hậu, sẽ không có người học. Doanh nghiệp nói riêng và thị trường nói chung có nhu cầu như thế nào, thì người học sẽ càng hướng tới tìm học những nơi đáp ứng được nhu cầu đó. Đây thực sự là một thách thức vì hầu như các trường hiện nay mới chỉ dừng lại ở mức độ giảng viên giảng dạy bằng máy chiếu, video, chia sẻ tài liệu trên mạng. Kinh phí eo hẹp cũng là một trong những điểm chính khiến các ứng dụng khoa học và công nghệ chưa phát triển mạnh trong các trường đại học.

Trong môi trường CMCN 4.0, mỗi sinh viên có nhu cầu và năng lực học tập khác nhau sẽ được thiết kế tiến độ học tập riêng biệt, phù hợp với từng người. Các phần mềm đào tạo sẽ thay thế từng phần hoặc toàn bộ lượng kiến thức của giáo trình khi học trên lớp. Thay vì tập trung cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng, mô hình giảng dạy mới chủ yếu hướng dẫn sinh viên cách tự học, cách tư duy và xử lý các tình huống trong cuộc sống, qua đó hình thành năng lực tiếp cận và giải quyết vấn đề.

Đối với đội ngũ giảng viên, hệ thống quản lý nhà trường có sự hỗ trợ của công nghệ sẽ cung cấp hệ thống dữ liệu giúp họ theo dõi diễn biến, sự tiến bộ của mỗi lớp học, kịp thời giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình học tập của sinh viên. Do đó, giảng viên cần phải nỗ lực học tập, nghiên cứu để có thể tận dụng và làm chủ công nghệ, để những công cụ này hỗ trợ và tạo ra sự tự do, sáng tạo trong công tác đào tạo.

- Tăng cường gắn kết giữa các cơ sở giáo dục đại học với các doanh nghiệp tuyển dụng

Trước những đòi hỏi của thị trường lao động ngày càng cao, để phù hợp với môi trường sản xuất mới, các hoạt động đào tạo của các trường đại học càng phải được gắn kết với tổ chức, doanh nghiệp nhằm rút ngắn khoảng cách giữa đào tạo, nghiên cứu và triển khai. Đẩy mạnh phát triển đào tạo tại doanh nghiệp, phát triển các trường trong doanh nghiệp để đào tạo nhân lực phù hợp với công nghệ và tổ chức của doanh nghiệp. Tăng cường việc gắn kết giữa trường đại học và doanh nghiệp trên cơ sở trách

nhệm xã hội của doanh nghiệp, hướng tới doanh nghiệp thực sự là “cánh tay nối dài” trong hoạt động đào tạo của trường đại học nhằm sử dụng có hiệu quả trang thiết bị và công nghệ của doanh nghiệp phục vụ cho công tác đào tạo, thông qua đó hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học trong quá trình đào tạo và thực tập tại doanh nghiệp.

Thực trạng mối quan hệ giữa trường đại học và doanh nghiệp ở nước ta hiện nay chưa có gắn kết chặt chẽ đang gặp nhiều bất cập. Doanh nghiệp chưa được tham gia và đóng góp ý kiến về xây dựng chương trình đào tạo một cách chi tiết, thường xuyên. Do đó kiến thức của sinh viên nhận được sau khi ra trường chưa đáp ứng được nhu cầu của các nhà tuyển dụng. Nhà trường còn thụ động, chưa nhận thức được sự phát triển của nhà trường có phần đóng góp của ở sự hợp tác hiệu quả với doanh nghiệp. Về phía doanh nghiệp, nhiều nơi có nhu cầu nhân lực chất lượng cao, có trình độ, có khả năng đáp ứng yêu cầu phát triển trong điều kiện công nghệ 4.0 lại gặp khó khăn, tất cả đều thống nhất cho rằng đây là bài toán nan giải và để giải được bài toán này có nhiều cách khác nhau trong đó có cách tối ưu nhất là gắn kết với doanh nghiệp thì lại bị xem nhẹ hoặc ít quan tâm.

2. THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ CHO GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM TRƯỚC YÊU CẦU CỦA CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

Trong những năm qua, đầu tư cho hệ thống GDĐH của Việt Nam đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế của đất nước thông qua việc mở rộng về quy mô, đa dạng hóa các loại hình và ngành nghề đào tạo, nâng cao chất lượng và bước đầu hội nhập quốc tế.

Mặc dù đạt được một số thành tựu, kết quả đáng ghi nhận, GDĐH của Việt Nam còn tồn tại nhiều hạn chế, yếu kém.

Thứ nhất, quản trị giáo dục còn nhiều yếu kém. Sau một thời gian đổi mới, tư tưởng bao cấp, duy ý chí, quản trị theo cảm tính vẫn ảnh hưởng đến công tác quản lý giáo dục đại học. Hiện nay ở Việt Nam còn có sự lẫn lộn giữa quản lý nhà nước về giáo dục và quản lý của cơ sở trường đại học. Các quy định pháp luật còn mang tính tập trung bao cấp khiến cho các trường chưa có nhiều quyền tự quyết, chủ yếu thực hiện nhiệm vụ từ trên giao xuống. Hiện nay, hoạt động của cơ sở GDĐH còn phụ thuộc cơ quan quản lý nhà nước, cơ cấu tổ chức chưa được tự chủ, hoạt động của Hội đồng trường còn mờ nhạt và chưa phát huy hiệu quả. Bên cạnh đó, bộ máy quản lý nhà nước đối với GDĐH còn phân tán, đồng thời, còn có sự chòng chéo giữa chức năng quản lý nhà nước và chức năng cung ứng dịch vụ công. Tư duy quản lý giáo dục đại học còn chậm được đổi mới theo hướng quản lý chất lượng, hội nhập quốc tế. Cơ chế,

phương thức quản lý chưa tiếp cận đầy đủ theo yêu cầu quản lý chất lượng, chưa phát huy quyền chủ động và trách nhiệm nhà trường.

Thứ hai, chương trình và giáo trình giảng dạy chưa được tiêu chuẩn hóa và công nhận trên phạm vi quốc tế. Chưa tạo được sự liên thông giữa các chuẩn mực GDĐH trong nước và quốc tế, ít thừa nhận và tiếp nhận các kết quả đào tạo của nhau, nên người học rất khó khăn khi chuyển trường, ngành học. Việc liên thông kiến thức giữa các cơ sở GDĐH trong nước và ngoài nước lại càng khó khăn hơn do có sự khác biệt về mục tiêu, nội dung và phương pháp đào tạo giữa các cơ sở GDĐH. Một hạn chế lớn của giáo dục và đào tạo nước ta là việc dạy và học không gắn chặt với thực tiễn, nhất là các trường đại học. Đa phần các chương trình đào tạo hiện nay chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội dẫn đến trình trạng các doanh nghiệp muốn sử dụng lao động mới phải trải qua quá trình đào tạo lại. Mặt khác, những tiêu chí đánh giá về chất lượng giáo dục quốc tế dường như ảnh hưởng không nhiều lắm đến các trường đại học nước ta.

Thứ ba, hạn chế về khả năng nghiên cứu và công bố các kết quả nghiên cứu. Cùng với xu thế hội nhập quốc tế, số lượng và chất lượng các công trình công bố trên các ấn phẩm khoa học quốc tế trở thành thước đo quan trọng, chỉ số khách quan không chỉ phản ánh sự phát triển khoa học và công nghệ cũng như hiệu suất khoa học mà còn phản ánh trình độ và chất lượng thực tế nền giáo dục của mỗi quốc gia. Hiện nay, cả nước có khoảng 700 trường đại học, học viện, cao đẳng với tổng số giảng viên là 74.991 người. Số lượng giảng viên và chức danh khoa học năm học 2017 - 2018 so với 2016 - 2017 được tăng lên đáng kể, nhưng số trường có bài báo được công nhận quốc tế (có bài báo ISI/SCOPUS) thì lại rất khiêm tốn.

Thứ tư, cơ sở pháp lý về tự chủ đại học chưa vững chắc và thiếu đồng bộ nên việc triển khai còn nhiều lúng túng, chưa thống nhất; một số nội dung cam kết của Chính phủ chưa được thực hiện (như: Cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ, hỗ trợ lãi suất vay) gây khó khăn cho nhiều cơ sở GDĐH. Tự chủ chưa gắn liền với đổi mới quản trị đại học và trách nhiệm giải trình xã hội. Cụ thể, tại điều 32 của Luật giáo dục đại học khẳng định, các cơ sở giáo dục được tự chủ toàn diện nhưng đều ràng buộc bởi câu “phù hợp với quy định của pháp luật”, trong khi đó lĩnh vực giáo dục còn bị chi phối bởi rất nhiều luật khác, như: Đầu tư công, Luật Lao động, Luật Đấu thầu, Luật Viên chức,... Chính vì vậy, cơ sở pháp lý về tự chủ đại học chưa vững chắc và thiếu đồng bộ, nhiều văn bản chưa phù hợp thực tế vận hành, thiếu tính cụ thể, rõ ràng, dẫn đến khó khăn khi triển khai.

Thứ năm, nguồn tài chính chưa nhiều, chi phí thấp, cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm nghèo nàn, chưa tạo môi trường làm việc cho các nhà khoa học giỏi; chính sách khuyến khích và thúc đẩy đầu tư từ khu vực tư nhân chưa đồng bộ, chưa đủ mạnh để tạo cơ chế thúc đẩy sự bình đẳng giữa các trường thuộc khối công lập và ngoài công

lập cũng như đáp ứng yêu cầu cạnh tranh về chất lượng với các nước có trình độ phát triển kinh tế cao hơn. Riêng năm 2013, mặc dù nền kinh tế đất nước đang trong thời kỳ cực kỳ khó khăn, kinh phí cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề vẫn chiếm 20% tổng chi ngân sách Nhà nước, tuy nhiên, tính ra số kinh phí thực cho GDDH thì so ngay với một trường đại học ở một số nước Đông Nam Á (như Singapore, Thái Lan, Malaysia...) cũng đã rất thấp. Nguồn kinh phí hạn hẹp lại được sử dụng chưa hợp lý, đầu tư manh mún, dàn trải và hiệu quả thấp (đó là chưa nói tới nguồn lực bị suy hao vì những dự án lãng phí lớn. Thiếu chính sách tạo động lực hiệu quả đối với đầu tư của xã hội, doanh nghiệp cho GDDH. Giai đoạn 2013-2018, ước tính ngân sách nhà nước chi khoảng 1.120.355 tỷ đồng cho giáo dục – đào tạo, trong đó khoảng 172.905 tỷ đồng cho GDDH. Năm 2019, trong khi Chính phủ đầu tư cho giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông ở mức khá cao thì chỉ dành 0,33% GDP cho GDDH; đây là một trong những mức đầu tư thấp nhất trên thế giới khi trung bình của các nước OECD là 1,1%. [10]

3. GIẢI PHÁP ĐẦU TƯ CHO GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM ĐÁP ỨNG NHU CẦU CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (01/2021) của Đảng đã xác định một trong ba đột phá chiến lược là “Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao”, để thực hiện đột phá chiến lược này phải “Đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế”. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) – 10/2013) đã nêu rõ “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ tư duy, quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện; đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở giáo dục - đào tạo và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học”; “Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ Tổ quốc; với tiến bộ khoa học và công nghệ; phù hợp quy luật khách quan”; “Chủ động phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển giáo dục và đào tạo. Phát triển hài hòa, hỗ trợ giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các vùng, miền”; “Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo. Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo”; “Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh xã hội hóa, trước hết đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học; khuyến khích liên kết với các cơ sở đào tạo nước ngoài có uy tín. Có chính sách khuyến khích cạnh tranh lành mạnh trong giáo dục và đào tạo”; “Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo” [5]. Việc nhận thức cho đúng,

đầy đủ, sâu sắc và hệ thống những nội dung trên có ý nghĩa then chốt trong việc triển khai thực hiện thành công sự nghiệp “Đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục Việt Nam” trong đó có đổi mới GDĐH với quy mô và chất lượng đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Vì vậy, cần thực hiện đầu tư cho GDĐH ở Việt Nam các giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất, đầu tư hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển GDĐH, sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học; các quy định tự chủ đối với các cơ sở GDĐH công lập; quy hoạch mạng lưới các cơ sở GDĐH và đào tạo giáo viên theo các quy chuẩn chất lượng; xây dựng Chiến lược tổng thể phát triển GDĐH giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2035; kế hoạch và giải pháp tăng cường số lượng các trường đại học Việt Nam có mặt trong các bảng xếp hạng quốc tế. Đổi mới vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước trong tổ chức giáo dục đại học trong điều kiện hội nhập quốc tế. Theo đó, về mặt pháp lý, cần tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các quy định về pháp luật đối với các hoạt động GDĐH trong điều kiện hội nhập quốc tế. Các cơ quan quản lý nhà nước, trực tiếp là Bộ Giáo dục và Đào tạo cần thay đổi cách tư duy về quản lý đối với các hoạt động GDĐH trong điều kiện hội nhập quốc tế. Thay vì trực tiếp quản lý toàn diện đối với các cơ sở GDĐH, các cơ quan quản lý nhà nước chỉ nên đóng vai trò định hướng các hoạt động theo luật pháp, đồng thời tạo điều kiện để các cơ sở GDĐH được độc lập, tự chủ hơn trong các hoạt động. Bên cạnh đó, hoàn thiện hành lang pháp lý tạo môi trường thuận lợi phát triển nguồn nhân lực, khuyến khích phát triển thị trường nguồn nhân lực chất lượng cao; thị trường sản phẩm khoa học và công nghệ phải phản ánh đầy đủ quan hệ cung - cầu, qua đó, làm căn cứ hoạch định chiến lược và chính sách. Bên cạnh đó, cần có chính sách hỗ trợ hình thành và phát triển các vườn ươm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong các trường đại học đào tạo về công nghệ; gắn kết chặt chẽ giữa các vườn ươm khởi nghiệp với trường đại học và doanh nghiệp.

Thứ hai, đầu tư phát triển mạng lưới liên kết giữa các cơ sở GDĐH với các doanh nghiệp, hỗ trợ các trường đại học theo hình thức đặt hàng; đẩy mạnh hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục với việc tập trung kiểm định chương trình đào tạo. Hỗ trợ các liên kết, các hoạt động đổi mới dựa trên các hình thức khác nhau giữa các doanh nghiệp, trường đại học, cá nhân; tăng cường hỗ trợ kinh doanh trong các lĩnh vực công nghệ mới; thu hút các công ty đa quốc gia (MNC), xuyên quốc gia (TNC) nước ngoài và tăng cường vai trò của các công ty trong nước trong các chuỗi giá trị toàn cầu.

Thứ ba, đầu tư đổi mới cơ chế tài chính GDĐH, các trường tự xác định mức học phí tương xứng với chất lượng đào tạo; ưu tiên đầu tư ngân sách để phát triển một số cơ sở GDĐH, ngành đào tạo mang tầm khu vực, quốc tế và cơ sở đào tạo giáo viên chất lượng cao; phát triển một số ngành, vùng đặc thù để đáp ứng yêu cầu phát triển đất

nước; có cơ chế phân bổ nguồn lực cho GDĐH theo nguyên tắc cạnh tranh, bình đẳng, hiệu quả.

Thứ tư, đầu tư đổi mới chương trình đào tạo theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu của thị trường, phát triển tư duy sáng tạo của học viên. Xây dựng mô hình giáo dục 4.0 theo kịp với xu hướng công nghệ hiện đại trong nền kinh tế 4.0. Đổi mới mạnh mẽ nội dung chương trình và phương pháp dạy học theo hướng hội nhập quốc tế. Theo đó, nội dung chương trình và giáo trình cần được tổ chức xây dựng và triển khai theo hướng mở (cho phép cập nhật thường xuyên về kiến thức trong và ngoài nước, sử dụng giáo trình, học liệu trong nước hoặc ngoài nước một cách linh hoạt để giảng dạy cho người học), nội dung giảng dạy phải gắn chặt và phù hợp với yêu cầu thực tiễn của ngành nghề mà người học đang theo đuổi.

Thứ năm, đầu tư nâng cao chất lượng hình thành đội ngũ giảng viên năng động, cập nhật kiến thức chuyên môn, khả năng ngoại ngữ và tin học đáp ứng yêu cầu mới, tạo ra những “sản phẩm” có chất lượng, đáp ứng thị trường lao động trong và ngoài nước. Bảo đảm tính tự chủ của cơ sở GDĐH trong công tác tuyển chọn, xét duyệt giảng viên đủ điều kiện đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ. Kiểm soát chặt chẽ các khâu nghiệm thu, đánh giá luận án, luận văn, công nhận, cấp phát bằng, bảo đảm chất lượng đầu ra. Có chính sách thu hút các nhà khoa học, người có trình độ, đủ tiêu chuẩn làm giảng viên tại các cơ sở GDĐH. Coi trọng việc đưa giảng viên trường đại học đi thực tế tại doanh nghiệp để bổ sung, cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề, phương pháp giảng dạy và sử dụng giảng viên kiêm nhiệm của doanh nghiệp, hoặc trí thức hóa các giảng viên từ doanh nghiệp để sử dụng trong trường đại học; tăng cường tương tác giữa giảng viên và doanh nghiệp; thiết kế các khóa đào tạo chuyên biệt theo yêu cầu của doanh nghiệp đặt hàng hoặc tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp đối tác vào xây dựng chương trình, giáo trình; đầu tư kết cấu hạ tầng đào tạo đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

CMCN 4.0 mở ra nhiều cơ hội để phát triển, nhưng cũng có nhiều thách thức đối với GDĐH. Vì vậy, để thực hiện đúng vai trò là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội và gắn với yêu cầu hội nhập quốc tế thì GDĐH cần thiết phải thay đổi. Sự thành công hay thất bại của GDĐH ở Việt Nam hiện nay phụ thuộc một cách quyết định vào phương thức khai thác nguồn lực con người, nhất là việc xây dựng, giáo dục, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Phạm Đức Chính – Nguyễn Tiến Dũng (2014), *Giáo dục Đại học Việt Nam – Góc nhìn từ lý thuyết Kinh tế-Tài chính hiện đại*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Cúc (2017), Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đối với cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam và gợi ý chính sách cho Việt Nam, Báo điện tử baomoi.com.
- [3]. (2016) Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư bối cảnh, các xu hướng lớn và những sản phẩm điển hình, *Tạp chí Tự động hóa ngày nay*.
- [4]. Hermann, Pentek, Otto (2015). *Design Principles for Industrie 4.0 Scenarios*.
- [5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6]. Klaus Schwab (2016), *The Fourth Industrial Revolution*.
- [7]. Nirmala, J. (2016), Super smart society: Society 5.0. Robotics Tomorrow – Online Robotic Trade Magazine.
- [8]. Bill Lyd (2014). Only One – Tenth of Germany’s High – Tech Stratergy, on, Industry 4.0.
- [9]. (2019). *Tài liệu hội thảo “Cơ chế tự chủ đối với các trường đại học công lập – Vấn đề đặt ra và vai trò của Kiểm toán Nhà nước”*, Hà Nội.
- [10]. Phan Quang Trung (21/1/2016), Giáo dục đại học phải làm gì trước thách thức của cách mạng công nghiệp 4.0, Báo điện tử giaoduc.net.vn, Hà Nội.

INVESTMENT IN HIGHER EDUCATION IN VIETNAM TO MEET THE DEMAND OF THE 4.0 INDUSTRIAL REVOLUTION

Dao Thi Cam Nhung, Nguyen The Thin

Faculty of Political Economics, University of Economics, Hue University

Email: dtcnhung@hce.edu.vn

ABSTRACT

Playing the crucial role in the outputs meeting the requirement of labor market, the higher education system in Vietnam has been extremely facing with many threats due to the 4.0 industrial revolution. The significance is how to invest in education for universities with precise and effective targets in the current contexts. The study aims to not only realize the upcoming challenges caused by the 4.0 industrial revolution for the higher education system in Vietnam but also to propose the early recommendations on the way to invest the sources meeting the requirements of the new revolution.

Keywords: investment in higher education in Vietnam, 4.0 industrial revolution.



Đào Thị Cẩm Nhung sinh ngày 22/04/1990 tại Quảng Nam. Bà tốt nghiệp cử nhân ngành Kinh tế chính trị năm 2012, tốt nghiệp thạc sỹ ngành Kinh tế chính trị năm 2017. Hiện nay, bà là giảng viên tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Kinh tế, khoa học xã hội.



Nguyễn Thế Thìn sinh ngày 01/12/1988 tại Thành phố Huế. Ông tốt nghiệp cử nhân ngành Kinh tế Chính trị năm 2010, tốt nghiệp thạc sỹ ngành Kinh tế Chính trị năm 2013. Hiện nay, ông là giảng viên tại trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Kinh tế, Khoa học chính trị, xã hội nhân văn, giáo dục học.

